

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ Bản án số: 61/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định (trước khi sáp nhập);

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số: 407/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (trước khi sắp xếp);

Căn cứ Quyết định thi hành theo đơn yêu cầu số: 408/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (trước khi sắp xếp);

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 01/QĐ-THADSKV2 ngày 29/10/2025 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự Quảng Ninh;

Căn cứ kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 099/2026/134/VIV-CTTĐ ngày 11/02/2026 của Chi nhánh Công ty cổ phần định giá và đầu tư Việt tại Quảng Ninh;

Căn cứ Thông báo số 27/0/TB-THADS.KV2 ngày 05/3/2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự Quảng Ninh.

**I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN**

**1. Tài sản đấu giá:**

1.1. Quyền sử dụng đất có diện tích 107,9m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: Khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (nay là: Khu Vàng Danh 8, phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 243170, số vào sổ CH 00553 do UBND thành phố Uông Bí cấp ngày 02/8/2022 cho bà Bùi Thị Chinh, Căn cước công dân số: 036184020207.

**Tài sản gắn liền với đất gồm:** 01 ngôi nhà 02 tầng kết cấu khung chịu lực bê tông cốt thép, tường bao xây gạch, sàn mái bê tông cốt thép, đổ tại chỗ không có tầng hầm diện tích khoảng 49,50m<sup>2</sup>\*2 = 99,0m<sup>2</sup> (trong đó tầng 2 có 22m<sup>2</sup> là sân mái tôn bị bay vài chỗ). 01 nhà 01 tầng xây gạch mái tôn diện tích 10,0m<sup>2</sup> và công trình cột kèo thép, tường gạch; Công trình phụ gồm cột kèo thép, tường xây gạch, mái tôn, diện tích khoảng: 17,0 m<sup>2</sup>.

Giá khởi điểm: **914.374.143** đồng (Chín trăm mười bốn triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn, một trăm bốn mươi ba đồng)

1.2, Quyền sử dụng đất có diện tích 74,7m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị thuộc thửa đất số 85a, tờ bản đồ số 36, địa chỉ: Khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (nay là: Khu Vàng Danh 8, phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 139115, số vào sổ CH 00694 do UBND thành phố Uông Bí cấp ngày 23/11/2022 cho bà Bùi Thị Chinh, Căn cước công dân số: 036184020207.

Giá khởi điểm: **468.720.000** đồng (*Bốn trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*)

1.3, Quyền sử dụng đất có diện tích 79,3m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị thuộc thửa đất số 85b, tờ bản đồ số 36, địa chỉ: Khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (nay là: Khu Vàng Danh 8, phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 139116, số vào sổ CH 00695 do UBND thành phố Uông Bí cấp ngày 23/11/2022 cho bà Bùi Thị Chinh, Căn cước công dân số: 036184020207.

Giá khởi điểm: **499.590.000** đồng (*Bốn trăm chín mươi chín triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng*)

1.4, Quyền sử dụng đất có diện tích 681,6m<sup>2</sup> đất trong đó đất ở 300m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 381,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 43, địa chỉ: Khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (nay là: Khu Vàng Danh 8, phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 139471, số vào sổ CH 00686 do UBND thành phố Uông Bí cấp ngày 04/11/2022 cho bà Bùi Thị Chinh, Căn cước công dân số: 036184020207.

Giá khởi điểm: **1.466.064.000** đồng (*Một tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn đồng*)

2. Giá khởi điểm: **3.348.748.143** đồng (*Ba tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi ba đồng*)

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Quảng Ninh

Địa chỉ: Số 26 Văn Lang, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh

Tổng số điểm: 95

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do: Không

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối: Không

Đề nghị Công ty đấu giá hợp danh Quảng Ninh liên hệ Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 Quảng Ninh để nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản bán đấu giá làm cơ sở ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định.

Chấp hành viên Thi hành án dân sự Quảng Ninh thông báo để các bên đương sự, Công ty đấu giá hợp danh Quảng Ninh được biết./.

**II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)**

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mức tối đa                | Công ty Đấu giá Hợp danh Quảng Ninh |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                                                    |                           |                                     |
| 1          | <i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>                                                                                                                                                                                                        | <i>Đủ điều kiện</i>       | <i>Đủ điều kiện</i>                 |
| 2          | <i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>                                                                                                                                                                                                  | <i>Không đủ điều kiện</i> |                                     |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                              | <b>19</b>                 | <b>19</b>                           |
| <b>1.</b>  | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                     | <b>10</b>                 | <b>10</b>                           |
| 1.1        | <i>Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>                                                                                                                                      | 5                         | 5                                   |
| 1.2        | <i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện</i>                                                                                                                                                                                   | 5                         | 5                                   |
| <b>2.</b>  | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                           | <b>5</b>                  | <b>5</b>                            |
| 2.1        | <i>Có hệ thống Camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (Có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá).</i>                                                                                 | 2                         | 2                                   |
| 2.2        | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>                                                                                                                                                  | 3                         | 3                                   |
| <b>3.</b>  | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên<br/>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở tư pháp</b> | <b>2</b>                  | <b>2</b>                            |
| <b>4</b>   | <b>Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>                                                                                                                            | <b>1</b>                  | <b>1</b>                            |
| <b>5</b>   | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                | <b>1</b>                  | <b>1</b>                            |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án này)</b>                                                                                                                                                                                   | <b>16</b>                 | <b>16</b>                           |

|           |                                                                                                                                                                  |           |           |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|
| <b>1</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                               | <b>4</b>  | <b>4</b>  |
| 1.1       | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                       | 2.0       | 2.0       |
| 1.2       | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi</i>                                                                                                                         | 2.0       | 2.0       |
| <b>2</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>           | <b>4</b>  | <b>4</b>  |
| <b>3.</b> | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                        | <b>4</b>  | <b>4</b>  |
| 3.1       | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>                                                                                                                | 2         | 2         |
| 3.2       | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>                                                                 | 2         | 2         |
| <b>4.</b> | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b> | <b>4</b>  | <b>4</b>  |
| <b>IV</b> | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                     | <b>57</b> | <b>52</b> |
| <b>1.</b> | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b>                                       | <b>15</b> | <b>15</b> |
| 1.1       | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                      | 12        |           |
| 1.2       | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>                                                                                                               | 13        |           |
| 1.3       | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>                                                                                                               | 14        |           |
| 1.4       | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>                                                                                                                                | 15        | 15        |
| <b>2.</b> | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề.</b>                                                                                                       | <b>7</b>  | <b>7</b>  |
| 2.1       | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>                                                                        | 4         |           |
| 2.2       | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                   | 5         |           |
| 2.3       | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                   | 6         |           |
| 2.4       | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>                                                                                                                          | 7         | 7         |
| <b>3</b>  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề.</b>                                                     | <b>7</b>  | <b>7</b>  |
| 3.1       | <i>Dưới 10 cuộc (Bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>                                                                                                  | 4         |           |
| 3.2       | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>                                                                                                                               | 5         |           |
| 3.3       | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>                                                                                                                               | 6         |           |
| 3.4       | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>                                                                                                                          | 7         | 7         |

|          |                                                                                                                                                                                                                                                 |          |          |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|
| <b>4</b> | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên.</b>                                                                                                                                                     | <b>3</b> | <b>3</b> |
| 4.1      | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) của tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm.</i>                                                                | 3        | 3        |
| 4.2      | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br/>Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>               |          |          |
| 4.3      | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức trên:<br/>Số điểm của B = (U x 3)/Y</i> |          |          |
| <b>5</b> | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động.</b>                                                                                                       | <b>7</b> | <b>6</b> |
| 5.1      | <i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>                                                                                                                                                                                                       | 4        |          |
| 5.2      | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>                                                                                                                                                                                         | 5        |          |
| 5.3      | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>                                                                                                                                                                                         | 6        | 6        |
| 5.4      | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                 | 7        |          |
| <b>6</b> | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                              | <b>4</b> | <b>3</b> |
| 6.1      | <i>01 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                          | 2        |          |
| 6.2      | <i>Có từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                        | 3        | 3        |
| 6.3      | <i>từ 05 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                       | 4        |          |
| <b>7</b> | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, tổng giám đốc hoặc giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, giám đốc doanh nghiệp tư nhân.</b>                                                           | <b>4</b> | <b>4</b> |
| 7.1      | <i>Dưới 05 năm</i>                                                                                                                                                                                                                              | 2        |          |
| 7.2      | <i>từ 05 năm đến 10 năm</i>                                                                                                                                                                                                                     | 3        |          |
| 7.3      | <i>từ 10 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                        | 4        | 4        |
| <b>8</b> | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                                      | <b>5</b> | <b>4</b> |
| 8.1      | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                           | 3        |          |

|                     |                                                                                                                                                                               |            |           |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|
| 8.2                 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 trở lên                                                                                                             | 4          | 4         |
| 8.3                 | Có từ 04 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                | 5          |           |
| 9                   | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng.</b> | <b>5</b>   | <b>3</b>  |
| 9.1                 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                            | 3          | 3         |
| 9.2                 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                      | 4          |           |
| 9.3                 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                     | 5          |           |
| V                   | <b>Tiêu chí khác do người có tài sản quy định</b>                                                                                                                             | <b>8</b>   | <b>8</b>  |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                               | <b>100</b> | <b>95</b> |

**Nơi nhận:**

- Cổng TT điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử của THADS tỉnh Quảng Ninh (để đăng tải);
- Cổng TTĐT của Cục quản lý THADS (để đăng tải);
- Viện kiểm sát nhân dân Quảng Ninh;
- Đương sự (để biết);
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Vũ Thị Hải Yến).

**CHẤP HÀNH VIÊN****Vũ Thị Hải Yến**